[Mẫu số 52-DS]

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ÂN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2023
V/v:"Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quý Hoà;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2023, về việc: "Tranh chấp về ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX-HN ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1967; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị G quê ở: thôn N, xã Ân Nghĩa và anh Nguyễn Ngọc V ở: thôn H, xã Ân Hữu kết hôn với nhau năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Hữu, lúc đó

anh V đi bộ đội, cha chồng tên (Nguyễn Văn M) đi làm giấy kết hôn cho vợ chồng chị G, anh V, nay bị mất nên không giao nộp cho Toà án. Năm 1989 anh V đi bộ đội về thì chị G sinh con đầu tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Vợ chồng chị G có 04 con chung là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Văn Đ đều đã trên 18 tuổi tự lo bản thân. Tại Toà án hôm nay, chị G yêu cầu Toà án giải quyết cho chị G ly hôn anh Nguyễn Ngọc V vì lý do sống với nhau không được, anh V thường xuyên gây cãi và đánh vợ nhiều lần, nhiều năm nay, đến nay chị G không thể chịu nổi. Về nuôi con, các con đều trên 18 tuổi nên chị G không ý kiến gì. Về tài sản, chị G tự giải quyết với anh V, không yêu cầu Toà án giải quyết, chị G xác định chị không nợ ai.

- Bị đơn, anh Nguyễn Ngọc V trình bày: Về cơ bản anh V đồng ý như bản khai của chị G về quá trình hôn nhân, con chung. Tại Toà án hôm nay, chị G xin ly hôn thì anh V không chấp nhận. Về nuôi con, các con đều trên 18 tuổi nên anh Vkhông ý kiến gì. Về tài sản, anh V có ý kiến là: Nếu chị G kiên quyết ly hôn thì toàn bộ tài sản của vợ chồng để cho con, không được bán. Nợ vay Ngân hàng CS-XH Hoài Ân 120.000.000 đồng để làm chuồng heo và làm nhà thì phải chia đôi để trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tụng tố tụng: Chị Nguyễn Thị G khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc V, nguyên đơn và bị đơn có cùng địa chỉ: thôn H, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hoài Ân. Quan hệ pháp luật được xác định là: "Tranh chấp về ly hôn".

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị G.

[3.1]. Theo bản khai ngày 08/3/2023 của chị Nguyễn Thị G thì năm 1986 anh V và chị G kết hôn, năm 1989 anh V đi bộ đội nên việc đăng ký là do cha chồng Nguyễn Văn M đi làm thủ tục, hiện nay bị mất. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số: 10/UBND-TP, ngày 03/3/2023 của UBND xã Ân Hữu có trả lời việc kết hôn của anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị G, khẳng định: Ngày 02/3/2023 UBND xã Ân Hữu đã xác minh và trả lời: Vào năm 1986 UBND xã Ân Hữu chưa mở sổ đăng ký việc kết hôn; sổ đăng ký việc kết hôn của UBND xã Ân Hữu theo dõi việc đăng ký từ năm 1989 cho đến nay. Như vậy, không có căn cứ xác định từ năm 1986 đến năm 1989 anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị G đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Hữu. Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện anh V, chị G có con chung đầu tiên tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

[3.2]. Tại Toà án, chị G và anh V có tranh chấp về ly hôn, Toà án căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 quy định: Nam và

nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

[3.3]. Về nuôi con: Chị G xác định các con đều trên 18 tuổi, chị Gkhông có ý kiến gì. Về tài sản: Chị G không yêu cầu giải quyết, chị G không nợ ai.

[4]. Đối với ý kiến của anh Nguyễn Ngọc Vinh.

[4.1]. Về hôn nhân: Anh V không chấp nhận việc chị G xin ly hôn. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 10/UBND-TP, ngày 03/3/2023 của UBND xã Ân Hữu có cơ sở để xác định từ năm 1986 đến năm 1989 không thể hiện việc anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị G đã đăng ký kết hôn. Như vậy, Toà án căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000; Hội đồng xét xử cần tuyên bố: Không công nhận anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị G là vợ chồng.

[4.2]. Về nuôi con: Anh Vxác định các con đều trên 18 tuổi, anh Vkhông có ý kiến gì. Về tài sản: Anh V yêu cầu không chia, không được bán, để cho các con, chia đôi số tiền nợ. Trong quá trình thụ lý giải quyết, mặt dù Toà án đã thông báo hợp lệ nhưng anh V không thực hiện việc khởi kiện yêu cầu phản tố, anh V không cung cấp tài liệu, chứng cứ về tài sản chung, về khoản nợ chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở đển đưa vào xem xét trong vụ án này.

[5]. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000; Hội đồng xét xử cần tuyên bố: Không công nhận anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị G là vợ chồng.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị Nguyễn Thị G nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 266, khoản 1 Điều 235, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000;

Căn cứ vào Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị Gvà anh Nguyễn Ngọc V là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị G nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010888 ngày 07-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoài Ân;
- Đương sự;
- UBND xã Ân Hữu;
- CC THADS huyện Hoài Ân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân